

Bản án số: 33/2018/DS-ST

Ngày: 19-10-2018

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM TÂN

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Quang Sơn và bà Nguyễn Thị Tơ

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Vĩnh Nguyên - Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Thành Yên - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 100/2018/TLST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2018 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 51/2018/QĐ-ST ngày 19 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa sơ thẩm số 65/2018/QĐ-ST ngày 09 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Dương Thị Thái H**, sinh năm: 1974 (*Có mặt*)

Ông **Phạm Ngọc M**, sinh năm: 1970 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Khu phố 2, Tân Minh, Hàm Tân, Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của ông M: Bà Dương Thị Thái H (*Theo Giấy ủy quyền ngày 18/10/2018 của UBND thị trấn Tân Minh, Hàm Tân*)

2. *Bị đơn:* Bà **Trịnh Thị N**, sinh năm: 1970 (*Có mặt*)

Ông **Trần Viết T**, sinh năm: 1967 (*Có mặt*)

Địa chỉ: Thôn 2, Tân Phúc, Hàm Tân, Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn bà Dương Thị Thái H, ông Phạm Ngọc M trình bày:* Vào ngày 01/12/2016, vợ chồng ông Trần Viết T, bà Trịnh Thị N mượn của vợ chồng ông, bà số tiền 330.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 2,5%/tháng, hẹn đến ngày 01/02/2017 sẽ trả hết gốc và lãi. Từ khi mượn đến nay, vợ chồng bà đã đòi nhiều lần nhưng ông T, bà N không chịu trả tiền. Do đó, vợ chồng ông, bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T, bà N phải trả số tiền gốc 330.000.000 đồng và lãi suất 2,5%/tháng tạm tính đến ngày khởi kiện là 172.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà H thay đổi một phần yêu cầu về lãi, chỉ yêu cầu vợ chồng ông T, bà N trả lãi 13,5%/năm (1,125%/tháng) từ ngày 01/12/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm.

- Bị đơn bà Trịnh Thị N, ông Trần Viết T trình bày: Ngày 20/11/2011, vợ chồng ông, bà có mượn của vợ chồng bà Dương Thị Thái H, ông Phạm Ngọc M số tiền 150.000.000 đồng, mượn 02 lần và có giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu cho bà H, ông M giữ lại.

Do làm ăn thua lỗ, vợ chồng ông không có tiền trả lãi nên bà H nói với vợ chồng ông giao chiếc xe máy cày để bà H thế chấp tại Ngân hàng lãi suất thấp hơn. Nhưng 01 tháng sau, bà Hằng dùng âm mưu, thủ đoạn nói với vợ chồng ông Ngân hàng không cho thế chấp nhằm chiếm đoạt luôn chiếc xe máy cày để cản trở nợ. Năm 2014, vợ chồng ông mượn tiền của bà Nguyễn Thị C mang xuống trả tiền với lãi suất 1,5%/tháng nhưng bà H không đồng ý với lãi suất này mà đòi lãi suất 2,5%/tháng. Vì cần chứng minh nhân dân để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên vợ chồng ông buộc phải ký xác nhận vào giấy nợ. Vì vậy, vợ chồng ông bà chỉ đồng ý trả 150.000.000 đồng và lãi suất của Ngân hàng Nhà nước.

Tại phiên tòa, vợ chồng ông T, bà N xác nhận năm 2016 có ký vào Giấy nhận nợ, tuy nhiên chỉ là 230.000.000 đồng, không phải là 330.000.000 đồng như Giấy mượn nợ mà bà H cung cấp.

Tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân cho rằng:

- Việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự; Thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng là phù hợp quy định pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử thực hiện đúng phiên tòa sơ thẩm; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Dương sự đã thực hiện theo quy định.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông T, bà N phải trả cho bà H, ông M số tiền 330.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất 13,5%/năm từ ngày 01/12/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm. Ông T, bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đơn khởi kiện, thẩm tra các chứng cứ và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Bà Dương Thị Thái H, ông Phạm Ngọc M khởi kiện ông Trần Viết T, bà Trịnh Thị N về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Ông T, bà N có địa chỉ tại thôn 2, Tân Phúc, Hàm Tân, Bình Thuận. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Xét Giấy mượn tiền ngày 01/12/2016 thể hiện việc ông T, bà N có vay mượn số tiền 330.000.000 đồng của bà H, ông M. Giấy mượn tiền có chữ ký, chữ viết xác nhận nợ của ông T, bà N. Tại phiên tòa, ông T, bà N thừa nhận đó là các chữ ký của vợ chồng ông bà. Không yêu cầu Tòa án phải giám định. Do đó, Hội đồng xét xử xác định việc ông T, bà N có vay mượn số tiền 330.000.000 đồng là có thật và buộc phải hoàn trả số tiền này cho bà H, ông M.

Ông T, bà N cho rằng chỉ mượn của bà H, ông M số tiền 150.000.000 đồng vào năm 2011. Vì cần chứng minh nhân dân để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên vợ chồng ông buộc phải ký vào giấy mượn tiền nhưng không có chứng cứ chứng minh, không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

Đối với người làm chứng bà Nguyễn Thị C, tại Biên bản lấy lời khai ngày 19/9/2018, bà C khai: *“Tôi nghe nói năm 2011 hay 2012, ông T bà N có thể chiếc máy cày cho ông M, bà H, còn nội dung thế chấp như thế nào tôi không rõ. Tôi chỉ nghe ông T, bà N kể lại chứ không chứng kiến việc giao mượn tiền, thế chấp xe máy cày”*. Chứng tỏ, bà C cũng chỉ là người nghe ông T, bà N kể lại, không biết gì về việc vay mượn tiền giữa hai bên đương sự.

Lãi suất: Căn cứ vào Giấy mượn tiền ngày 01/12/2016, hợp đồng vay có kỳ hạn, có lãi. Do đó, yêu cầu trả lãi suất 13,5%/năm của ông M, bà H từ ngày vay (ngày 01/12/2016) đến ngày xét xử sơ thẩm là có lợi cho bị đơn, nên Hội đồng xét xử chấp nhận, lãi suất được tính như sau: 330.000.000 đồng x 13,5%/năm x 01 năm 10 tháng 18 ngày = 83.902.500 đồng.

Tổng số tiền mà ông T, bà N phải trả là 413.902.500 đồng (tiền gốc 330.000.000 đồng + lãi 83.902.500 đồng).

Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H, ông M cũng như ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên bà H, ông M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông T, bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 471, 474, 476 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 357, 463, 688 Bộ luật Dân sự 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị Thái H, ông Phạm Ngọc M. Buộc ông Trần Viết T, bà Trịnh Thị N phải trả cho bà Dương Thị Thái H, ông Phạm Ngọc M số tiền 413.902.500 đồng (*bốn trăm mười ba triệu, chín trăm lẻ hai nghìn, năm trăm đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Án phí:

- Bà Dương Thị Thái H, ông Phạm Ngọc M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà H, ông M số tiền 12.400.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai số 0024421 ngày 28/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Tân.

- Ông Trần Viết T, bà Trịnh Thị N phải chịu 20.556.100 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Hàm Tân;
- Chi cục THADS huyện Hàm Tân;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Phương